TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 31 /QLĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO
Tổ chức học trực tuyến một số môn học Học kỳ 2 năm học 2021-2022

Căn cứ Kế hoạch số 1086/KH-ĐHM ngày 23 tháng 6 năm 2021 về Kế hoạch đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy năm học 2021-2022;

Căn cứ Thông báo số 68/TB-ĐHM ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc tổ chức giảng dạy và học tập trực tiếp từ học kỳ 2 năm học 2021-2022.

Phòng Quản lý đào tạo thông báo bên cạnh việc học trực tiếp, một số môn học sẽ tổ chức học trực tuyến trên hệ thống LMS bao gồm (theo danh sách đính kèm):

- Tiếng Anh căn bản 3, mã môn học GENG0336
- Tiếng Anh căn bản 4, mã môn học GENG0337
- Tiếng Anh căn bản 5, mã môn học GENG0338
- Tiếng Anh nâng cao 1, mã môn học GENG1339 (chương trình đại trà)

Đề nghị sinh viên có đăng ký một trong các môn học trên kiểm tra kỹ Thời khóa biểu cá nhân và hệ thống LMS để tham gia học tập.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu (1).

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phan Thị Thu Phương

DANH SÁCH NHÓM LỚP HỌC TRỰC TUYẾN

HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo công văn số 31 /QLĐT Ngày 09/02/2022 của Trưởng Phòng Quản lý đào tạo)

STT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Lớp	Mã GV	Họ và tên giảng viên
1	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3101	_OLAVCB3	NN584	Trần Minh Bảo
2	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3101C	_DBTACB3	NN401	Lý Mai Hương
3	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3102	_OLAVCB3	NN584	Trần Minh Bảo
4	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3102C	_DBTACB3	NN401	Lý Mai Hương
5	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3103	_OLAVCB3	NN585	Trần Tiến Đạt
6	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3103C	_DBTACB3	NN401	Lý Mai Hương
7	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3104	_OLAVCB3	NN533	Đinh Trần Thúy Liễu
8	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3104C	_DBTACB3	NN401	Lý Mai Hương
9	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3105	_OLAVCB3	NN539	Huỳnh Anh Nhân
10	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3105C	_DBTACB3	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy
11	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3106	_OLAVCB3	NN586	Đỗ Thị Linh Diễm
12	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3106C	_DBTACB3	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên
13	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3107	_OLAVCB3	NN588	Phùng Thanh Duy
14	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3108	_OLAVCB3	NN588	Phùng Thanh Duy
15	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3109	_OLAVCB3	NN586	Đỗ Thị Linh Diễm
16	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3110	_OLAVCB3	NN615	Trần Đức Huy
17	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3111	_OLAVCB3	NN590	Phạm Trần Quế Hương
18	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3112	_OLAVCB3	NN590	Phạm Trần Quế Hương
19	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3113	_OLAVCB3	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh
20	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3114	_OLAVCB3	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh
21	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3115	_OLAVCB3	GV200	Đoàn Thị Phương Lan
22	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3116	_OLAVCB3	GV200	Đoàn Thị Phương Lan
23	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3117	_OLAVCB3	NN458	Nguyễn Thế Bảo Long
24	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3118	_OLAVCB3	NN430	Nguyễn Đức Bảo Thạch
25	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3119	_OLAVCB3	NN606	Dương Thị Thanh Thúy
26	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3120	_OLAVCB3	NN485	Ông Hồng Thanh
27	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3121	_OLAVCB3	NN606	Dương Thị Thanh Thúy
28	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3122	_OLAVCB3	NN526	Tuấn Anh Hoàng
29	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3123	_OLAVCB3	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy
30	GENG0336	Tiếng Anh căn bản 3 (K2019)	OL3124	_OLAVCB3	NN539	Huỳnh Anh Nhân
31	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4101	_OLAVCB4	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy
32	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4101C	_DBTACB4	NN611	Nguyễn Thị Kim Tuyến
33	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4102	_OLAVCB4	NN604	Vũ Thị Phương Thanh
34	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4102C	_DBTACB4	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên
35	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4103	_OLAVCB4	NN603	Trần Thanh Tân
36	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4103C	_DBTACB4	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương
37	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4104	_OLAVCB4	NN604	Vũ Thị Phương Thanh
38	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4104C	_DBTACB4	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương
39	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4105	_OLAVCB4	NN385	Nguyễn Sỹ Tú
40	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4105C	_DBTACB4	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương

STT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Lớp	Mã GV	Họ và tên giảng viên
41	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4106	_OLAVCB4	NN524	Trương Minh Hòa
42	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4106C	_DBTACB4	NN334	Lê Anh Tú
43	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4107	_OLAVCB4	NN457	Phan Vũ Thị Kim Liên
44	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4108	_OLAVCB4	NN594	Đặng Nhật Minh
45	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4109	_OLAVCB4	NN366	Hồ Thị Ngọc Thúy
46	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4110	_OLAVCB4	NN486	Nguyễn Ngọc Phương Thảo
47	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4111	_OLAVCB4	NN540	Y Thị Quỳnh Như
48	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4113	_OLAVCB4	NN608	Huỳnh Huệ Trân
49	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4114	_OLAVCB4	NN450	Ngô Nhật Hào
50	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4115	_OLAVCB4	NN545	Trang Linh Tâm
51	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4201	_OLAVCB4	NN457	Phan Vũ Thị Kim Liên
52	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4201C	_DBTACB4	NN611	Nguyễn Thị Kim Tuyến
53	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4202	_OLAVCB4	NN450	Ngô Nhật Hào
54	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4202C	_DBTACB4	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên
55	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4203	_OLAVCB4	NN603	Trần Thanh Tân
56	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4203C	_DBTACB4	NN401	Lý Mai Hương
57	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4204	_OLAVCB4	NN526	Tuấn Anh Hoàng
58	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4204C	_DBTACB4	AV051	Lê Phương Thảo
59	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4205	_OLAVCB4	NN458	Nguyễn Thế Bảo Long
60	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4205C	_DBTACB4	AV113	Nguyễn Thị Lan Hương
61	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4206	_OLAVCB4	NN599	Phan Thanh Phú
62	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4206C	_DBTACB4	NN334	Lê Anh Tú
63	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4207	_OLAVCB4	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh
64	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4208	_OLAVCB4	NN530	Nguyễn Ngọc Mai Khanh
65	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4209	_OLAVCB4	NN545	Trang Linh Tâm
66	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4210	_OLAVCB4	NN453	Nguyễn Ngọc Huy
67	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4211	_OLAVCB4	NN528	Nguyễn Phú Quốc Huy
68	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4212	_OLAVCB4	NN484	Bùi Nguyễn Thúy Quỳnh
69	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4213	_OLAVCB4	NN543	Lê Đăng Quang
70	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4214	_OLAVCB4	NN601	Đinh Phạm Xuân Quyên
71	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4215	_OLAVCB4	NN536	Đặng Thị Thanh Nga
72	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4216	_OLAVCB4	NN486	Nguyễn Ngọc Phương Thảo
73	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4217	_OLAVCB4	NN539	Huỳnh Anh Nhân
74	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4218	_OLAVCB4	NN539	Huỳnh Anh Nhân
75	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4219	_OLAVCB4	NN048	Hoàng Hồ Trang
76	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4220	_OLAVCB4	NN539	Huỳnh Anh Nhân
77	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4221	_OLAVCB4	GV200	Đoàn Thị Phương Lan
78	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4222	_OLAVCB4	NN618	Trần Mai Phương
79	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4223	_OLAVCB4	NN385	Nguyễn Sỹ Tú
80	GENG0337	Tiếng Anh căn bản 4 (K2019)	OL4224	_OLAVCB4	NN593	Phạm Thanh Tố Mai
81	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5101	_OLAVCB5	NN600	Nguyễn Minh Quân
82	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5101C	_DBTACB5	NN522	Hồ Thị Thanh Hảo
83	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5102	_OLAVCB5	NN476	Nguyễn Hằng My Đoan
84	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5102C	_DBTACB5	AV051	Lê Phương Thảo

STT	Mã MH	Tên môn học	Nhóm	Lớp	Mã GV	Họ và tên giảng viên
85	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5103	_OLAVCB5	NN600	Nguyễn Minh Quân
86	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5103C	_DBTACB5	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên
87	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5104	_OLAVCB5	NN589	Lê Huệ Hà
88	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5104C	_DBTACB5	AV121	Bùi Thị Phương Thảo
89	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5105	_OLAVCB5	NN602	Mai Phước Sơn
90	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5107	_OLAVCB5	NN429	Trần Văn Đoàn
91	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5108	_OLAVCB5	NN429	Trần Văn Đoàn
92	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5109	_OLAVCB5	NN539	Huỳnh Anh Nhân
93	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5110	_OLAVCB5	NN593	Phạm Thanh Tố Mai
94	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5111	_OLAVCB5	NN461	Nguyễn Lê Tâm
95	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5112	_OLAVCB5	NN476	Nguyễn Hằng My Đoan
96	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5201	_OLAVCB5	NN429	Trần Văn Đoàn
97	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5201C	_DBTACB5	NN522	Hồ Thị Thanh Hảo
98	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5202	_OLAVCB5	NN429	Trần Văn Đoàn
99	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5202C	_DBTACB5	AV051	Lê Phương Thảo
100	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5203	_OLAVCB5	NN539	Huỳnh Anh Nhân
101	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5203C	_DBTACB5	NN420	Mai Thị Hồng Dung
102	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5204	_OLAVCB5	NN544	Trần Vũ Nhật Quỳnh
103	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5204C	_DBTACB5	AV121	Bùi Thị Phương Thảo
104	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5205	_OLAVCB5	NN540	Y Thị Quỳnh Như
105	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5205C	_DBTACB5	NN404	Nguyễn Thị Việt Nga
106	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5206C	_DBTACB5	TA006	Nguyễn Thị Kiều Miên
107	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5207	_OLAVCB5	NN610	Đỗ Phan Tuấn
108	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5208	_OLAVCB5	NN485	Ông Hồng Thanh
109	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5209	_OLAVCB5	NN146	Võ Thị Ngọc Trang
110	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5210	_OLAVCB5	NN485	Ông Hồng Thanh
111	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5211	_OLAVCB5	NN602	Mai Phước Sơn
112	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5212	_OLAVCB5	NN602	Mai Phước Sơn
113	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5213	_OLAVCB5	NN460	Hồ Thị Thu Ngân
114	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5214	_OLAVCB5	NN544	Trần Vũ Nhật Quỳnh
115	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5215	_OLAVCB5	NN458	Nguyễn Thế Bảo Long
116	GENG0338	Tiếng Anh căn bản 5 (K2019)	OL5216	_OLAVCB5	NN609	Lê Hoàng Thiên Trang
117	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6201	_OLAVNC1	NN330	Nguyễn Hoàng Mai Dung
118	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6202	_OLAVNC1	NN448	Nguyễn Trường Giang
119	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6203	_OLAVNC1	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung
120	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6204	_OLAVNC1	NN443	Huỳnh Thị Thùy Dung
121	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6205	_OLAVNC1	NN597	Nguyễn Thị Yến Nhung
122	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6207	_OLAVNC1	NN192	Châu Thị Khánh Linh
123	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6208	_OLAVNC1	NN440	Lương Sơn Bá
124	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6209	_OLAVNC1	NN440	Lương Sơn Bá
125	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6210	_OLAVNC1	NN229	Trần Thị Thắm
126	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6211	_OLAVNC1	NN091	Lý Thị Mỹ Hạnh
127	GENG1339	Tiếng Anh Nâng cao 1 (K2019)	OL6212	_OLAVNC1	NN440	Lương Sơn Bá